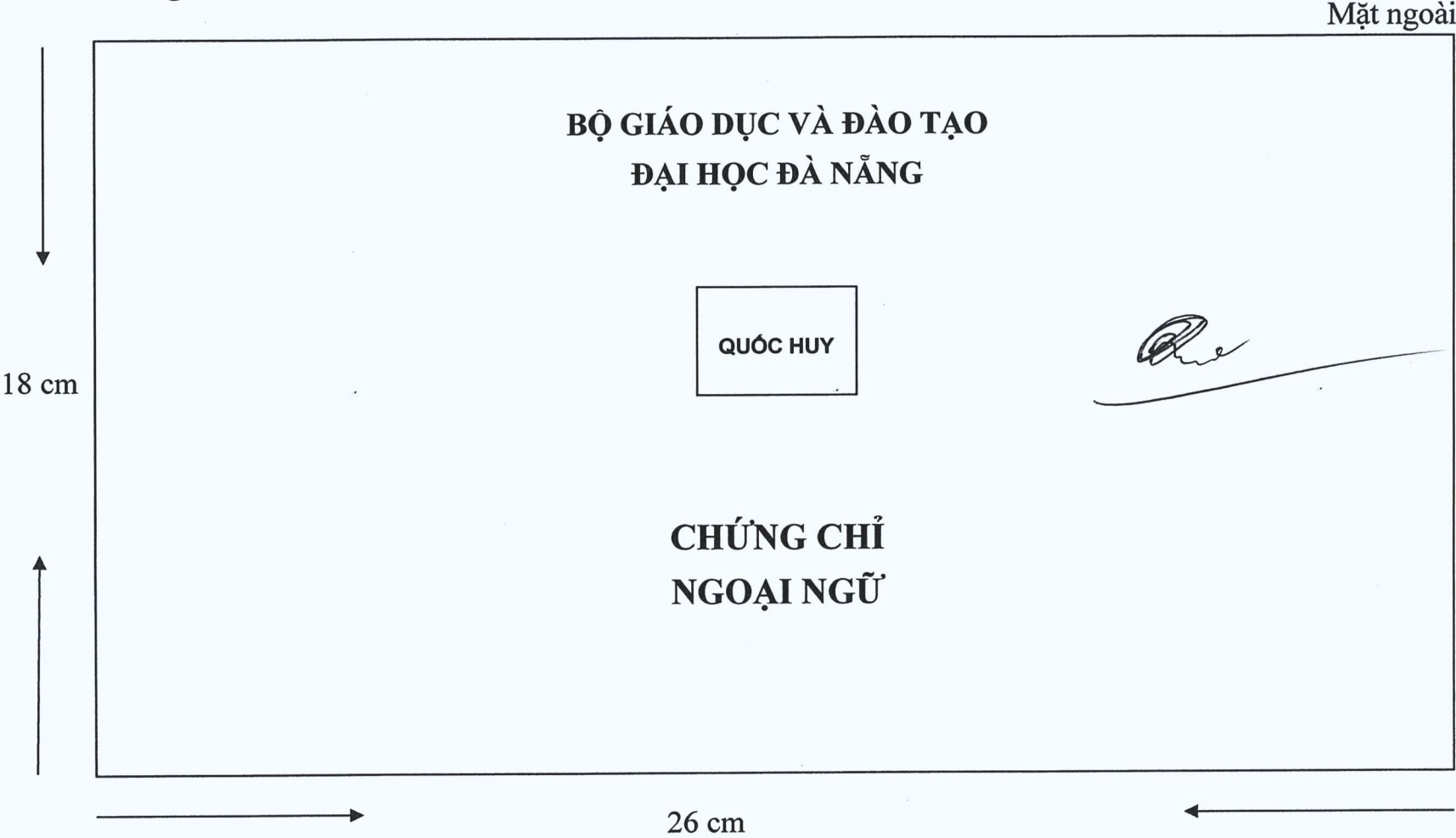


Phụ lục
MẪU CHỨNG CHỈ VÀ CÁCH GHI NỘI DUNG TRÊN CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
*(Kèm theo Quyết định số 3231 /QĐ-ĐHĐN ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)*

1. Mẫu chứng chỉ



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

CERTIFICATE OF PROFICIENCY

IN:(12).....

Level: ...(13).....

**THE UNIVERSITY OF DANANG
UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES**

This is to certify that

Full name:(14).....

Date of birth: ...(15)..... Gender: ...(16).....

Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based
on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam

Board of Exminers:(17).....

Exemination result:(18).....

Listening:

Reading:

Speaking:

Writing:

Danang,(19).....

Certificate number:(20).....

Reference number:(21).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

Ngôn ngữ: ...(1).....

Bậc:(2).....

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Cấp cho

Họ và tên:(3).....

Ngày sinh: ...(4)..... Giới tính: ...(5).....

Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực
ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Hội đồng thi:(6).....

Kết quả thi:(7).....

Nghe:

Đọc:

Nói:

Viết:

Đà Nẵng, ngày tháng năm ..(8)..
.....(9).....

Số hiệu: ...(10).....

Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ: ...(11).....

2. Hướng dẫn cách ghi nội dung trên chứng chỉ

- (1) Ghi tên ngôn ngữ dự thi lấy chứng chỉ bằng tiếng Việt.
- (2) Ghi bậc ngôn ngữ được cấp chứng chỉ.
- (3) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được cấp chứng chỉ.
- (4) Ghi ngày tháng năm sinh của người được cấp chứng chỉ. Nếu ngày sinh từ ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước; năm sinh ghi đầy đủ 04 chữ số.
- (5) Ghi giới tính người được cấp chứng chỉ (“Nam” hoặc “Nữ”).
- (6) Ghi tên hội đồng thi bằng tiếng Việt.
- (7) Ghi kết quả thi các kỹ năng.
- (8) Ghi ngày tháng năm cấp chứng chỉ. Nếu ngày cấp từ ngày 1 đến ngày 9, tháng cấp là tháng 1, tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước; năm cấp ghi đầy đủ 04 chữ số.
- (9) Ghi chức danh, chữ ký, họ, chữ đệm, tên của người có thẩm quyền cấp chứng chỉ bằng tiếng Việt và đóng dấu theo quy định.
- (10) Ghi số hiệu.
- (11) Ghi số vào sổ gốc cấp chứng chỉ.
- (12) Ghi tên ngôn ngữ dự thi lấy chứng chỉ bằng tiếng Anh.
- (13) Ghi như (2).
- (14) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được cấp chứng chỉ như ở mục (3) nhưng không có dấu.
- (15) Ghi ngày tháng năm sinh của người được cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh. Trong đó ngày và năm viết bằng số, tháng viết bằng chữ. (Ví dụ: tiếng Việt ghi “ngày 15 tháng 02 năm 1993” thì tiếng Anh ghi “15 February 1993”).
- (16) Ghi giới tính người được cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh (“Male” hoặc “Female”).
- (17) Ghi tên hội đồng thi bằng tiếng Anh.
- (18) Ghi như (7).



(19) Ghi ngày tháng năm cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh. Trong đó ngày và năm viết bằng số, tháng viết bằng chữ. (Ví dụ: tiếng Việt ghi “ngày 15 tháng 02 năm 1993” thì tiếng Anh ghi “15 February 1993”).

(20) Ghi như (10)

(21) Ghi như (11).